

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 9 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Trần Thanh Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú ấp Lung L, xã An Tr, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú ấp Lung L, xã An Tr, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Tr được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn bà và ông Tr sống chung với gia đình ông Tr tại ấp Lung L, xã An Tr, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, ông Tr không chăm lo cuộc sống gia đình. Hiện tại bà và ông Tr không còn sống chung khoảng 7, 8 năm nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn Tr có 02 người con chung tên Nguyễn Tâm B, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Th, sinh năm 1999, hiện tại các con đã trưởng thành, đã lập gia đình và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Bà và ông Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập ông Tr tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Tr vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đúng theo quy định pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn Tr là vợ chồng. Về tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí bà Lê Thị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr; cư trú tại ấp Lung L, xã An Tr, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Bà Lê Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận, ông Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông Tr.

[4]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà K và ông Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, do vậy hôn

nhân giữa bà K và ông Tr là không hợp pháp, nay phát sinh mâu thuẫn yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà K và ông Tr là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Quá trình chung sống bà K và ông Tr có 02 người con chung tên Nguyễn Tâm B, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Th, sinh năm 1999, hiện tại các con đã trưởng thành, đã lập gia đình và có cuộc sống riêng nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ: Bà Lê Thị K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[7]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã thành niên, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng. Bà K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007698 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Tài